

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày: 26-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Tịnh
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Điều Phương
Ông Tạ Đình Thành
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Minh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1992 tại tỉnh Long An; Tên gọi khác: (không); Nơi cư trú: Khu phố B, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 07/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trường S, sinh năm: 1965 và bà Trần Thị L, sinh năm: 1963; bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất là bị cáo; bị cáo có chồng tên Lê Đức H, sinh năm 1990; bị cáo có 03 người con lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án; tiền sự: (không).

Ngày 18/6/2024 bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã P khởi tố bị can và bị áp dụng “Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” do bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Ngày 16/7/2024, Bị cáo đi khỏi nơi cư trú và bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 05/9/2024 Cơ quan CSĐT Công an thị xã P ra Quyết định thay thế Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú bằng Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với bị cáo. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- ***Người bị hại:*** Bà Trần Thị Lê T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Khu phố H, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Anh Nguyễn Trường H1, sinh năm: 1988; Nơi thường trú: khu phố D, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt).

- ***Người làm chứng:*** Chị Trương Thị L1, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 05/5/2024, bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N điều khiển xe mô tô hiệu Vision, màu trắng, biển số: 93K1-220.28 đi đến Trung tâm thương mại P thuộc khu phố F, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước để mua trái cây. Khi đi đến quầy trái cây của chị Trương Thị L1 sinh năm 1993 thì có bà Trần Thị Lê T, sinh năm: 1977, nơi thường trú: khu phố H, phường L, thị xã P cũng đang mua trái cây của L1. Lúc này, bị cáo và bà T đứng sát nhau lựa trái cây thì bị cáo phát hiện trong túi áo khoác bên trái của bà T có 01 điện thoại di động loại IPHONE14 PRO MAX màu tím lòi một phần ra ngoài, bị cáo liền nảy sinh ý định lấy trộm để sử dụng và xoay người áp sát rồi dùng tay lấy trộm điện thoại của bà T bỏ vào túi áo khoác của bị cáo. Sau đó bị cáo điều khiển xe mô tô đi về nhà, tháo sim điện thoại trộm được ra kiểm tra thì thấy cài mật khẩu không mở được nên bị cáo cất giấu trên kệ trong phòng ngủ. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, bị cáo quay lại quầy trái cây của chị L1 để thăm dò tình hình thì bị Công an phường L, thị xã P phát hiện yêu cầu bị cáo về trụ sở làm việc. Tại Công an phường L bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp điện thoại của bà T và đã giao nộp điện thoại di động loại IPHONE14 PRO MAX lấy trộm cho Công an phường L xác minh, làm rõ. Sau đó Công an phường L đã bàn giao hồ sơ vụ việc cùng điện thoại di động loại IPHONE14 PRO MAX màu tím cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã P xác minh, xử lý theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận số 14/HĐ.ĐGTSTTHS.24 ngày 15/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã P kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu IPHONE14 PRO MAX (đã qua sử dụng) tại thời điểm ngày 05/5/2024 có trị giá là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra:

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision, màu sơn trắng, biển số: 93K1-220.28 tạm giữ có trong hồ sơ, là tài sản của anh Nguyễn Trường H1, sinh năm 1988, nơi cư trú: khu phố D, phường L, thị xã P, Bình Phước (anh trai của bị cáo). Sáng ngày 05/5/2024, anh H1 cho bị cáo mượn làm phương tiện đi lại, sau đó bị cáo sử dụng vào việc phạm tội anh H1 không biết, nên ngày 30/7/2024 Cơ quan CSĐT Công an thị xã P ra Quyết định xử lý vật chứng, đã trả lại cho chủ sở hữu anh H1 và H1 không có yêu cầu bồi thường.

+ Đối với 01 điện thoại di động loại IPHONE14 PRO MAX do bị cáo trộm cắp, được tạm giữ có trong hồ sơ là tài sản của bà Trần Thị Lê T. Sau khi định giá tài sản, ngày 14/6/2024 Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại cho bà T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị Lê T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trường H1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKSBP-P2 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N về tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không tranh luận gì. Bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo một mức án nhẹ nhất.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai trái và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội để trở thành người có ích cho gia đình, cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại; lời khai của người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Vì mục đích tư lợi cá nhân nên vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 05/5/2024 tại quây bán trái cây của chị Trương Thị L1 ở Trung tâm thương mại P thuộc khu phố F, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại Trần Thị Lê T, bị cáo N đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động IPHONE14 PRO MAX, có trị giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo N theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “*thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải*”; “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; “*bị cáo có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi*”; “*người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt*”; “*tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại*”. Đây là tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Xét về hành vi, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo bản thân thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision, màu sơn trắng, biển số: 93K1-220.28 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Trường H1. Anh H1 cho bị cáo N mượn làm phương tiện đi lại, sau đó bị cáo sử dụng vào việc phạm tội anh H1 không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho anh Nguyễn Trường H1. Anh H1 không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 điện thoại di động loại IPHONE14 PRO MAX do bị cáo chiếm đoạt của người bị hại. Người bị hại Trần Thị Lê T đã nhận lại và không có yêu cầu bồi thường. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Do bị cáo làm công việc nội trợ, không có công việc và nguồn thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[8] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2024.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- CCTHADS thị xã Phước Long;
- CA thị xã Phước Long;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh